

CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ MỚI

Trần Minh Huệ, Trần Thu Nga, Phạm Anh Tuấn
Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

Ngày nhận bài: 30/10/2019

Ngày nhận bài sửa: 08/11/2019

Ngày duyệt đăng: 22/11/2019

Tóm tắt: Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu của toàn cầu, thông qua hội nhập sẽ giúp các nước phát huy được những lợi thế tiềm năng cũng như tìm được giải pháp hạn chế các điểm yếu với các nước khác. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu trên, các nước cần xây dựng một hệ thống chính sách thương mại hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của doanh nghiệp, nền kinh tế. Các chính sách này thường nhằm đạt được mục tiêu hỗ trợ xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, gia tăng tiềm lực của nền kinh tế nhằm đạt được mục tiêu kinh tế, xã hội chung của đất nước. Bài viết tập trung làm rõ bản chất, vai trò và các công cụ của chính sách thương mại. Nghiên cứu các chính sách thương mại điển hình mà các nước như Hoa Kỳ, Thái Lan, Singapore đang sử dụng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Qua đó khuyến nghị một số giải pháp cho Việt Nam.

Từ khóa: Hội nhập, kinh tế quốc tế, chính sách thương mại

TRADE POLICIES OF SOME COUNTRIES IN THE CONTEXT OF NEW INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION

Abstract: International economic integration is an indispensable trend of the world, through integration, it will help countries promote potential advantages as well as find solutions to limit weaknesses with other countries. However, to achieve this goal, countries need to build a system of trade policies to effectively support the operation of businesses and the economy. These policies are often aimed at achieving export support, limiting imports and increasing the potential of the economy to achieve the country's overall socio-economic goals. The paper focuses on clarifying the nature, role and tools of trade policy. Study typical trade policies that countries such as the United States, Thailand and Singapore are using in the context of new international economic integration today. Thereby recommending a number of solutions for Vietnam

Key words: Integration, International Economic, Trade policy, Dưới sự tác động của khoa học và công

Đặt vấn đề:

Đặc trưng của tiến trình toàn cầu hóa kinh tế là sự gia tăng trao đổi thương mại quốc tế cùng với sự phụ thuộc lẫn nhau của các nền kinh tế trên cấp độ toàn cầu. Việc tham gia vào tiến trình toàn cầu của một nước phụ thuộc rất nhiều vào chính sách thương mại của một nước. Vì chính sách thương mại giúp các nước gắn nhau hơn

về hội nhập kinh tế, giữa các nước cần có điểm tương đồng và thống nhất về chính sách thương mại thì mới có thể đẩy nhanh tiến trình hội nhập và toàn cầu hóa. Về khía cạnh này, Việt Nam là nước đang phát triển, có nền thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế đi sau nhiều nước như Hoa Kỳ, Thái Lan, Singapore. Do đó, việc học hỏi kinh nghiệm về thực hiện chính sách thương mại của các nước này là cần thiết nhằm giúp

Việt Nam đưa ra các chính sách thương mại phù hợp với sự phát triển thương mại toàn cầu, qua đó thúc đẩy nhanh tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Với ý nghĩa đó, bài viết đi sâu nghiên cứu chính sách thương mại của 3 nước này từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và kiến nghị giải pháp cho Việt Nam trong thời gian tới.

1. Tổng quan về chính sách thương mại

CSTM có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đất nước qua việc điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu. CSTM là sự phối hợp, lồng ghép các bộ phận chính sách tài khóa, tiền tệ... Hiện có một số khái niệm về CSTM.

Theo Nguyễn Văn Ngọc: "chính sách thương mại (commercial policy) là các quy định mà một nước áp dụng để điều tiết hoạt động ngoại thương và thanh toán của nó với các nước khác. Các nước có thể áp dụng CSTM tự do, chính sách tự cung tự cấp hay một hình thức trung gian nào đó nằm giữa hai thái cực này. Mục tiêu của CSTM là bảo hộ sản xuất trong nước thông qua thuế quan, hạn ngạch và kiểm soát hối đoái". Hoặc chính sách thương mại (Trade policy) là chính sách của Chính phủ được hoạch định để tác động vào hoạt động thương mại, chẳng hạn thuế quan và hạn ngạch. Mục tiêu của CSTM là điều chỉnh hoạt động xuất, nhập khẩu nhằm đạt được mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Theo Mai Thế Cường, CSTM quốc tế được hiểu là những quy định của Chính phủ nhằm điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế, được thiết lập thông qua việc vận dụng các công cụ (thuế quan và phi thuế quan) tác động tới các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu.

Như vậy, CSTM bao gồm quy định về thuế quan, phi thuế quan liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các nước. Ngoài ra, CSTM còn bao gồm các chính sách tài chính nhằm hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp.

Vai trò của CSTM được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Cụ thể:

Thứ nhất, CSTM tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước thâm nhập và mở rộng thị trường ra nước ngoài, khai thác triệt để lợi thế so sánh của nền kinh tế trong nước. Với

việc đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu: hỗ trợ tín dụng, thuế, khoa học kỹ thuật, đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại tại nước ngoài, tăng cường hoạt động ngoại giao với các nước, ký kết các hiệp định thương mại song phương, đa phương... để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ.

Thứ hai, bảo vệ thị trường nội địa: tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước đứng vững và vươn lên trong hoạt động kinh doanh. Khi các doanh nghiệp trong nước hạn chế về trình độ, công nghệ sản xuất; chất lượng nhân lực thấp; thiếu vốn; thiếu kỹ năng quản lý... do đó hàng hóa, dịch vụ có chất lượng thấp và khả năng cạnh tranh yếu. Các nước thường dùng các công cụ như tăng thuế nhập khẩu, quy định cấp giấy phép, hạn ngạch nhập khẩu đối với một số hàng hóa, dịch vụ cụ thể (số lượng nhất định), đưa ra các hàng rào phi thuế quan để hạn chế việc hàng hóa nước ngoài xâm nhập vào thị trường trong nước.

Thứ ba, CSTM quốc tế là một bộ phận trong chính sách đối ngoại của một quốc gia. CSTM thể hiện cách thức một nước tương tác với bên ngoài bằng công cụ kinh tế (ngoài ra có thể có công cụ chính trị, văn hóa...), do vậy nó có nghĩa quyết định đến việc các nước khác sẽ tương tác với nước sở tại như thế nào. Là một bộ phận quan trọng của chính sách đối ngoại, CSTM cần thống nhất chung với các bộ phận khác của chính sách đối ngoại. Khi mục tiêu của chính sách đối ngoại là rộng mở, nền kinh tế có xu hướng mở hơn với bên ngoài, các nước sẽ giảm hàng rào thuế quan, phi thuế quan, mở cửa thị trường để các doanh nghiệp, hàng hóa dịch vụ của nước ngoài thâm nhập nhiều hơn vào thị trường trong nước. Ngược lại với mục tiêu đối ngoại thu hẹp, CSTM sẽ chuyển sang hướng hạn chế doanh nghiệp, hàng hóa dịch vụ của nước ngoài thâm nhập.

Hiện nay, các công cụ chủ yếu trong CSTM bao gồm:

(i) Thuế quan, nhất là thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu. Thuế nhập khẩu là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu, còn thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu. Đây là công cụ truyền thống, phổ biến và thường được các quốc gia áp dụng trong giai đoạn đầu mở cửa. Tác động của biện pháp này là trực tiếp và nhanh chóng giúp các quốc gia đạt mục tiêu liên quan

đến hoạt động ngoại thương. Tuy nhiên, hiện nay với việc tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA), công cụ này dần bị hạn chế bởi các quy định trong hiệp định. Thông thường, các mức thuế quan sẽ được giảm dần, thậm chí về 0% trong một khoảng thời gian nhất định.

(ii) Phi thuế quan, bao gồm hạn ngạch thương mại, giấy phép, các hàng rào kỹ thuật, hỗ trợ xuất khẩu, chống bán phá giá. Cụ thể:

Hạn ngạch hay hạn chế số lượng là quy định của một nước về số lượng cao nhất của một mặt hàng hay một nhóm hàng được phép xuất hoặc nhập từ một thị trường trong một thời gian nhất định thông qua hình thức cấp giấy phép.

Giấy phép là hình thức cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho các doanh nghiệp được xuất - nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ. Giấy phép có 2 loại: giấy phép chung (chỉ quy định tên hàng, thị trường, không hạn chế định lượng, không ghi rõ địa chỉ doanh nghiệp cấp) và giấy phép riêng (cấp cho từng doanh nghiệp, ghi rõ số lượng, giá trị, thị trường, thể loại mặt hàng cụ thể). Ngoài ra còn một số loại giấy phép như: giấy phép có điều kiện, giấy phép đổi hàng, giấy phép ưu tiên...

Các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) là các biện pháp áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ khi lưu thông trong nước và qua biên giới (xuất nhập khẩu), như: quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn; yêu cầu về an toàn, chất lượng; yêu cầu ghi nhãn, thông tin tiêu dùng; các thủ tục đăng ký nhập khẩu; các thủ tục kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn...

Hỗ trợ xuất khẩu là các biện pháp chính phủ có thể áp dụng trợ cấp trực tiếp hoặc cho vay với lãi suất thấp với các nhà xuất khẩu trong nước. Bên cạnh đó, Nhà nước lập các quỹ tín dụng xuất khẩu hỗ trợ cho hệ thống ngân hàng thương mại đảm bảo gánh chịu rủi ro nhằm tăng cường tín dụng cho hoạt động xuất khẩu.

Chống bán phá giá là công cụ thường được các nước phát triển sử dụng. Theo hiệp định về chống bán phá giá của WTO, một sản phẩm bị coi là bán phá giá nếu giá xuất khẩu thấp hơn giá trị thông thường được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu.

Ngoài ra, các nước có thể sử dụng số biện pháp khác như phá giá tiền tệ để hỗ trợ xuất

khẩu, hạn chế nhập khẩu (Trung Quốc đã áp dụng thành công vào những năm 2010 và tháng 8/2019 khi định giá đồng Nhân dân tệ của nước này thấp hơn giá trị thực tế). Hạn chế xuất khẩu tự nguyện là biện pháp mà một quốc gia nhập khẩu đòi hỏi quốc gia xuất khẩu phải hạn chế bớt hàng xuất khẩu sang nước mình một cách tự nguyện, nếu không họ sẽ áp dụng các biện pháp trả đũa kiên quyết, các quy định về chứng thư khi làm thủ tục xuất - nhập khẩu; thường xuất khẩu, đặt cọc nhập khẩu...

2. Chính sách thương mại của một số quốc gia trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mới

Thời gian qua, đáp ứng yêu cầu của việc hội nhập kinh tế quốc tế mới, các quốc gia đã đưa ra các CSTM nhằm tối đa hóa tiềm năng hiện có đồng thời khắc phục những hạn chế tiềm tàng, qua đó hướng tới thực hiện thành công các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra.

Tại Hoa Kỳ

CSTM quốc tế của Hoa Kỳ không tách rời và được sử dụng là một công cụ hiệu quả trong chính sách đối ngoại, chính sách kinh tế và chính sách cạnh tranh của Hoa Kỳ. Một ưu điểm của Chính phủ Hoa Kỳ là làm rất tốt công tác tuyên truyền về mục tiêu, cách thức thực hiện của các CSTM quốc tế.

Với vị thế là nền kinh tế lớn nhất thế giới, Hoa Kỳ đã đưa ra nhiều quy định nhằm bảo hộ các ngành sản xuất trong nước. Ngành nông nghiệp, đặc biệt là thủy sản nhận được sự bảo hộ, theo đó các nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia vào một số hoạt động của ngành thủy sản. Các nhà đầu tư nước ngoài chỉ được nắm giữ một lượng nhỏ cổ phần trong các đội tàu trong ngành thủy sản. Hạn ngạch thuế quan được áp dụng cho các mặt hàng nông nghiệp và thủy sản. Số mặt hàng được điều chỉnh bằng hạn ngạch thuế quan chiếm khoảng 1,9% số dòng thuế của Hoa Kỳ.

Bên cạnh đó, một số biện pháp cũng được Chính phủ nước này đưa ra nhằm bảo hộ sản xuất trong nước như đánh thuế cao vào các mặt hàng nhập khẩu, thực hiện các vụ kiện chống bán phá giá đối với hàng hóa của các nước xuất khẩu, đồng thời là các biện pháp gây áp lực với các nước khác nhằm yêu cầu các nước hạn chế xuất khẩu vào Hoa Kỳ... Trong cuộc chiến thương mại

Việt Nam đưa ra các chính sách thương mại phù hợp với sự phát triển thương mại toàn cầu, qua đó thúc đẩy nhanh tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Với ý nghĩa đó, bài viết đi sâu nghiên cứu chính sách thương mại của 3 nước này từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và kiến nghị giải pháp cho Việt Nam trong thời gian tới.

1. Tổng quan về chính sách thương mại

CSTM có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đất nước qua việc điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu. CSTM là sự phối hợp, lồng ghép các bộ phận chính sách tài khóa, tiền tệ... Hiện có một số khái niệm về CSTM.

Theo Nguyễn Văn Ngọc: "chính sách thương mại (commercial policy) là các quy định mà một nước áp dụng để điều tiết hoạt động ngoại thương và thanh toán của nó với các nước khác. Các nước có thể áp dụng CSTM tự do, chính sách tự cung tự cấp hay một hình thức trung gian nào đó nằm giữa hai thái cực này. Mục tiêu của CSTM là bảo hộ sản xuất trong nước thông qua thuế quan, hạn ngạch và kiểm soát hối đoái". Hoặc chính sách thương mại (Trade policy) là chính sách của Chính phủ được hoạch định để tác động vào hoạt động thương mại, chẳng hạn thuế quan và hạn ngạch. Mục tiêu của CSTM là điều chỉnh hoạt động xuất, nhập khẩu nhằm đạt được mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Theo Mai Thế Cường, CSTM quốc tế được hiểu là những quy định của Chính phủ nhằm điều chỉnh hoạt động thương mại quốc tế, được thiết lập thông qua việc vận dụng các công cụ (thuế quan và phi thuế quan) tác động tới các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu.

Như vậy, CSTM bao gồm quy định về thuế quan, phi thuế quan liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các nước. Ngoài ra, CSTM còn bao gồm các chính sách tài chính nhằm hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp.

Vai trò của CSTM được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Cụ thể:

Thứ nhất, CSTM tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước thâm nhập và mở rộng thị trường ra nước ngoài, khai thác triệt để lợi thế so sánh của nền kinh tế trong nước. Với

việc đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu: hỗ trợ tín dụng, thuế, khoa học kỹ thuật, đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại tại nước ngoài, tăng cường hoạt động ngoại giao với các nước, ký kết các hiệp định thương mại song phương, đa phương... để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ.

Thứ hai, bảo vệ thị trường nội địa: tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước đứng vững và vươn lên trong hoạt động kinh doanh. Khi các doanh nghiệp trong nước hạn chế về trình độ, công nghệ sản xuất; chất lượng nhân lực thấp; thiếu vốn; thiếu kỹ năng quản lý... do đó hàng hóa, dịch vụ có chất lượng thấp và khả năng cạnh tranh yếu. Các nước thường dùng các công cụ như tăng thuế nhập khẩu, quy định cấp giấy phép, hạn ngạch nhập khẩu đối với một số hàng hóa, dịch vụ cụ thể (số lượng nhất định), đưa ra các hàng rào phi thuế quan để hạn chế việc hàng hóa nước ngoài xâm nhập vào thị trường trong nước.

Thứ ba, CSTM quốc tế là một bộ phận trong chính sách đối ngoại của một quốc gia. CSTM thể hiện cách thức một nước tương tác với bên ngoài bằng công cụ kinh tế (ngoài ra có thể có công cụ chính trị, văn hóa...), do vậy nó có nghĩa quyết định đến việc các nước khác sẽ tương tác với nước sở tại như thế nào. Là một bộ phận quan trọng của chính sách đối ngoại, CSTM cần thống nhất chung với các bộ phận khác của chính sách đối ngoại. Khi mục tiêu của chính sách đối ngoại là rộng mở, nền kinh tế có xu hướng mở hơn với bên ngoài, các nước sẽ giảm hàng rào thuế quan, phi thuế quan, mở cửa thị trường để các doanh nghiệp, hàng hóa dịch vụ của nước ngoài thâm nhập nhiều hơn vào thị trường trong nước. Ngược lại với mục tiêu đối ngoại thu hẹp, CSTM sẽ chuyển sang hướng hạn chế doanh nghiệp, hàng hóa dịch vụ của nước ngoài thâm nhập.

Hiện nay, các công cụ chủ yếu trong CSTM bao gồm:

(i) Thuế quan, nhất là thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu. Thuế nhập khẩu là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu, còn thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu. Đây là công cụ truyền thống, phổ biến và thường được các quốc gia áp dụng trong giai đoạn đầu mở cửa. Tác động của biện pháp này là trực tiếp và nhanh chóng giúp các quốc gia đạt mục tiêu liên quan

đến hoạt động ngoại thương. Tuy nhiên, hiện nay với việc tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA), công cụ này dần bị hạn chế bởi các quy định trong hiệp định. Thông thường, các mức thuế quan sẽ được giảm dần, thậm chí về 0% trong một khoảng thời gian nhất định.

(ii) Phi thuế quan, bao gồm hạn ngạch thương mại, giấy phép, các hàng rào kỹ thuật, hỗ trợ xuất khẩu, chống bán phá giá. Cụ thể:

Hạn ngạch hay hạn chế số lượng là quy định của một nước về số lượng cao nhất của một mặt hàng hay một nhóm hàng được phép xuất hoặc nhập từ một thị trường trong một thời gian nhất định thông qua hình thức cấp giấy phép.

Giấy phép là hình thức cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho các doanh nghiệp được xuất - nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ. Giấy phép có 2 loại: giấy phép chung (chỉ quy định tên hàng, thị trường, không hạn chế định lượng, không ghi rõ địa chỉ doanh nghiệp cấp) và giấy phép riêng (cấp cho từng doanh nghiệp, ghi rõ số lượng, giá trị, thị trường, thể loại mặt hàng cụ thể). Ngoài ra còn một số loại giấy phép như: giấy phép có điều kiện, giấy phép đối hàng, giấy phép ưu tiên...

Các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) là các biện pháp áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ khi lưu thông trong nước và qua biên giới (xuất nhập khẩu), như: quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn; yêu cầu về an toàn, chất lượng; yêu cầu ghi nhãn, thông tin tiêu dùng; các thủ tục đăng ký nhập khẩu; các thủ tục kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn...

Hỗ trợ xuất khẩu là các biện pháp chính phủ có thể áp dụng trợ cấp trực tiếp hoặc cho vay với lãi suất thấp với các nhà xuất khẩu trong nước. Bên cạnh đó, Nhà nước lập các quỹ tín dụng xuất khẩu hỗ trợ cho hệ thống ngân hàng thương mại đảm bảo gánh chịu rủi ro nhằm tăng cường tín dụng cho hoạt động xuất khẩu.

Chống bán phá giá là công cụ thường được các nước phát triển sử dụng. Theo hiệp định về chống bán phá giá của WTO, một sản phẩm bị coi là bán phá giá nếu giá xuất khẩu thấp hơn giá trị thông thường được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu.

Ngoài ra, các nước có thể sử dụng số biện pháp khác như phá giá tiền tệ để hỗ trợ xuất

khẩu, hạn chế nhập khẩu (Trung Quốc đã áp dụng thành công vào những năm 2010 và tháng 8/2019 khi định giá đồng Nhân dân tệ của nước này thấp hơn giá trị thực tế). Hạn chế xuất khẩu tự nguyện là biện pháp mà một quốc gia nhập khẩu đòi hỏi quốc gia xuất khẩu phải hạn chế bớt hàng xuất khẩu sang nước mình một cách tự nguyện, nếu không họ sẽ áp dụng các biện pháp trả đũa kiên quyết, các quy định về chứng thư khi làm thủ tục xuất - nhập khẩu; thường xuất khẩu, đặt cọc nhập khẩu...

2. Chính sách thương mại của một số quốc gia trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mới

Thời gian qua, đáp ứng yêu cầu của việc hội nhập kinh tế quốc tế mới, các quốc gia đã đưa ra các CSTM nhằm tối đa hóa tiềm năng hiện có đồng thời khắc phục những hạn chế tiềm tàng, qua đó hướng tới thực hiện thành công các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra.

Tại Hoa Kỳ

CSTM quốc tế của Hoa Kỳ không tách rời và được sử dụng là một công cụ hiệu quả trong chính sách đối ngoại, chính sách kinh tế và chính sách cạnh tranh của Hoa Kỳ. Một ưu điểm của Chính phủ Hoa Kỳ là làm rất tốt công tác tuyên truyền về mục tiêu, cách thức thực hiện của các CSTM quốc tế.

Với vị thế là nền kinh tế lớn nhất thế giới, Hoa Kỳ đã đưa ra nhiều quy định nhằm bảo hộ các ngành sản xuất trong nước. Ngành nông nghiệp, đặc biệt là thủy sản nhân được sự bảo hộ, theo đó các nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia vào một số hoạt động của ngành thủy sản. Các nhà đầu tư nước ngoài chỉ được nắm giữ một lượng nhỏ cổ phần trong các đội tàu trong ngành thủy sản. Hạn ngạch thuế quan được áp dụng cho các mặt hàng nông nghiệp và thủy sản. Số mặt hàng được điều chỉnh bằng hạn ngạch thuế quan chiếm khoảng 1,9% số dòng thuế của Hoa Kỳ.

Bên cạnh đó, một số biện pháp cũng được Chính phủ nước này đưa ra nhằm bảo hộ sản xuất trong nước như đánh thuế cao vào các mặt hàng nhập khẩu, thực hiện các vụ kiện chống bán phá giá đối với hàng hóa của các nước xuất khẩu, đồng thời là các biện pháp gây áp lực với các nước khác nhằm yêu cầu các nước hạn chế xuất khẩu vào Hoa Kỳ... Trong cuộc chiến thương mại

với Trung Quốc, Hoa Kỳ đã đánh thuế hầu hết các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc từ hàng công nghệ, nông nghiệp, thủy sản..., tổng cộng 550 tỷ USD, trong đó mức thuế cao nhất lên tới 30% (từ ngày 01/10/2019), điều đáng nói là xu hướng này chưa có dấu hiệu dừng lại. Hoa Kỳ còn đánh thuế lên nhiều hàng hóa nhập khẩu từ các nước khác như Liên minh Châu Âu (EU) (với các hàng hóa: thịt, pho mát, mì ống, trái cây, cà phê và rượu, sắt thép, ô tô...), Hàn Quốc, Đài Loan (thép cán nguội), Việt Nam (tôn mạ và thép cán nguội)... Hoa Kỳ cũng là quốc gia thực hiện nhiều vụ kiện chống bán phá giá nhất, từ năm 1995 - 2017, nước này đã thực hiện 612 vụ kiện chống bán phá giá với các nhà xuất khẩu. Việc Hoa Kỳ thực hiện các biện pháp trên một mặt nhằm bảo hộ sản xuất trong nước, mặt khác giúp giảm thâm hụt cán cân thanh toán với các nước.

Hoa Kỳ cũng thực hiện một số biện pháp thúc đẩy xuất khẩu. Chẳng hạn, Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ là cơ quan chuyên hỗ trợ tín dụng xuất khẩu. Các khu ngoại thương tự do (Foreign trade zones) được áp dụng các ưu đãi về thủ tục hải quan và thuế. Như vậy, mặc dù là quốc gia kêu gọi tự do hoá thương mại nhiều nhất trên thế giới song Hoa Kỳ vẫn đang phải tiếp tục hoàn thiện CSTM quốc tế của mình cho phù hợp với các cam kết quốc tế. Hoa Kỳ vẫn tiếp tục thực hiện bảo hộ các ngành nông nghiệp, thủy sản.

Tại Thái Lan

Thái Lan được xếp loại là một quốc gia có thu nhập trung bình cao ở Đông Nam Á. Quốc gia này được xếp hạng thứ 38 trong số 140 trong Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) kích hoạt chỉ số thương mại (2018), trong đó do lường các thể chế, chính sách và dịch vụ để tạo thuận lợi cho thương mại ở các nước. Bất chấp khủng hoảng tài chính, thảm họa thiên nhiên và bất ổn chính trị, quốc gia này vẫn duy trì một nền kinh tế kiên cường và cởi mở, đặc biệt là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Đơn giản về thủ tục xuất nhập khẩu, cũng như các chính sách thu hút đầu tư là lực hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đây là một lợi thế cạnh tranh của Thái Lan, trong khi nước này vẫn áp thuế nhập khẩu cao và hạn chế thâm nhập thị trường.

Thái Lan đã thực thi một số hiệp định thương mại khu vực. Trong số đó, Thái Lan là thành viên sáng lập của ASEAN, khối thương mại lớn

thứ ba thế giới sau Liên minh châu Âu (EU). Trong quá trình này, ASEAN-6 ban đầu các quốc gia thành viên bao gồm Thái Lan đã loại bỏ gần như tất cả thuế nhập khẩu với một số ngoại lệ và các nước ASEAN-4 còn lại sẽ thực hiện giảm thuế vào năm 2015. Thái Lan cũng ký kết các hiệp định thương mại song phương với Úc, Ấn Độ, Nhật Bản, Lào và New Zealand. Các FTA của Thái Lan đôi khi đồng thời liên quan đến các thỏa thuận song phương và khu vực. Ví dụ, thương mại Úc-Thái Lan được điều chỉnh bởi một thỏa thuận giữa hai nước cũng như hiệp ước giữa Úc-New Zealand và ASEAN mà mỗi nước là một thành viên. Tính đến cuối năm 2018, Thái Lan đã ký hơn 10 FTA (bao gồm cả song phương và đa phương), trong đó, các FTA song phương đã ký với Bahrain, Úc, Ấn Độ, Nhật Bản, Pê-ru, Niu-di-lân và các FTA khu vực là khu vực ASEAN, ASEN - Úc - Niu di lân, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Nhật Bản, ASEAN - Hàn Quốc,... Thuế thu nhập doanh nghiệp từ 30% xuống 20% ; thuế VAT giảm từ 10% xuống 7% ; thuế thu nhập cá nhân giảm từ 37% xuống 35%.

Như vậy, Chính phủ Thái Lan thực hiện CSTM quốc tế "nhị nguyên". Một mặt, Chính phủ Thái Lan đẩy mạnh tự do hoá thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, mở cửa mạnh mẽ thị trường trong nước. Mặt khác, Chính phủ nỗ lực trợ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa. Thái Lan xác định việc nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp tư nhân là chìa khoá để thực hiện chiến lược hội nhập, phát triển kinh tế. Thái Lan trở thành thành viên chính thức của WTO từ ngày 1 tháng 1 năm 1995. Bên cạnh đó Thái Lan cũng dành những ưu tiên cho việc đầu tư thông qua miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu từ 50% đến 100% đối với các loại máy móc thiết bị cho từng địa phương và từng dự án (khu vực đầu tư). Việc nhập khẩu những nguyên vật liệu thô hoặc vật liệu đặc biệt sử dụng cho mục đích xuất khẩu trong khoảng thời gian 5 năm được miễn thuế nhập khẩu, điều này cũng phụ thuộc vào từng địa phương của dự án đầu tư. Thêm vào đó, nhằm khuyến khích các nhà đầu tư, các nguyên vật liệu thô và vật liệu đặc biệt có thể được giảm 75% thuế nhập khẩu nếu những nguyên liệu này được dùng cho việc sản xuất những mặt hàng phục vụ sản xuất trong nước trong vòng 5

năm và nếu như chủ đầu tư có nhà máy sản xuất ngay tại Thái Lan.

Tài sản cá nhân hoặc gia đình được miễn thuế nhập khẩu nếu nhập khẩu không sớm hơn 1 tháng hoặc không muộn hơn 6 tháng so với thời gian đến Thái Lan của người chủ tài sản cá nhân đó. Cơ quan hải quan có thể cho phép kéo dài thời gian nói trên nếu trong những tình huống họ xem xét và cho là phù hợp.

Tại Singapore

Là quốc gia có nền kinh tế thị trường tự do phát triển cao và rất thành công trên thế giới, thế nhưng Singapore hầu như không có tài nguyên, nguyên liệu đều phải nhập từ bên ngoài, hàng năm phải nhập lượng thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu ở trong nước. Singapore là nước phụ thuộc rất nhiều vào thương mại nên Chính phủ nước này đã có nhiều biện pháp khác nhau trong việc thúc đẩy thương mại quốc tế phát triển, đặc biệt là ứng phó với bối cảnh chung của nền kinh tế toàn cầu hiện nay. Theo số liệu từ năm 2014 đến năm 2018 của cơ quan thống kê Singapore, cán cân thương mại hàng năm luôn đạt thặng dư.

Các đối tác thương mại lớn của Singapore là EU, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hồng Kông, Malaysia, Indonesia, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan.

Một trong những chủ trương lớn của Singapore trong CSTM quốc tế là tăng cường nỗ lực tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế, song phương và khu vực. Kết quả là Singapore đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào năm 1995, đã có 23 FTA (FTA) được thực hiện trong thời gian qua với trên 30 đối tác kinh tế trên thế giới. Trong đó, có 12 FTA song phương, 9 FTA khu vực và một số FTA đang trong quá trình đàm phán ký kết.

Hầu hết hàng hoá nhập vào Singapore đều không phải đóng thuế nhập khẩu, trừ 4 nhóm sản phẩm trong 6 dòng thuế sau: bia đen hoặc nâu, các loại bia làm từ mạch nha, bao gồm cả bia ale, rượu bổ samsu và các loại rượu samsu khác. Thuế ưu đãi được áp dụng đối với các nước đã ký FTA với nhau. Nghĩa là, thuế hải quan đối với một số hàng hoá nhập khẩu có nguồn gốc từ nước đối tác trong FTA có mức thấp hơn hoặc được loại bỏ hoàn toàn.

Là một quốc gia nhỏ phụ thuộc vào nhập khẩu thực phẩm, năng lượng và nguyên liệu thô, Singapore nắm lấy hệ thống thương mại đa phương được thể hiện bởi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Mục đích chính của CSTM Singapore là bảo vệ giao dịch của quốc gia bằng cách đảm bảo điều kiện giao dịch quốc tế miễn phí và mở. Ngoài sự hỗ trợ của WTO, Singapore chủ trương cải tiến liên tục các nỗ lực thương mại và tăng cường hệ thống thương mại đa phương, trong cả bối cảnh khu vực và quốc tế. Do Singapore quá phụ thuộc vào thương mại nên Chính phủ đã làm cho việc xuất khẩu và nhập khẩu trở nên dễ dàng nhất có thể. Singapore là một cảng miễn phí. Hơn 99% tất cả hàng nhập khẩu vào Singapore là miễn thuế. Tuy nhiên, có thuế tiêu thụ đặc biệt cao đối với các sản phẩm có cồn và thuốc lá, cũng như xe cơ giới và các sản phẩm dầu khí. Đây chủ yếu là đánh thuế vì lý do xã hội hoặc môi trường. Nói chung, Singapore duy trì một trong những nơi có các giao dịch tự do nhất trên thế giới.

Các biện pháp xuất khẩu được sử dụng rộng rãi nhất ở Singapore liên quan đến việc cấp phép hoặc yêu cầu cho phép xuất khẩu, chiếm 3,8% của tổng số các biện pháp phi thuế quan (NTM). Phí bổ sung và các biện pháp lệ phí giấy phép nhập khẩu cũng rất nhiều, chiếm 3,6% và 2,3%. Do phụ thuộc vào thương mại để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nên Singapore ưu tiên xây dựng

Bảng 1: Tổng thương mại hàng hóa, giai đoạn 2014 -2018

Đơn vị: Tỷ USD

| Năm | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 |
|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Xuất khẩu | 526,1 | 491,8 | 466,9 | 515,0 | 555,7 |
| Nhập khẩu | 478,6 | 423,4 | 403,3 | 452,1 | 500,2 |
| CCTM | 47,5 | 88,5 | 63,3 | 62,9 | 55,5 |

Nguồn: Cơ quan Thống kê Singapore

mối quan hệ với các quốc gia khác, đặc biệt là trong thương mại. Singapore tham gia các công ước quốc tế và hiệp định thương mại khác nhau trong ASEAN, và với các nước ngoài ASEAN. Kết quả từ các công ước quốc tế, hoặc thỏa thuận song phương, được thông qua tại Nghị viện như luật pháp. Sau đó, các cơ quan có liên quan ở Singapore phát hành hành vi và quy định.

Bên cạnh đó, Chính phủ nước này cũng đã sử dụng các công cụ tài chính khác nhau nhằm khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh thương mại phát triển. Cụ thể, Singapore áp dụng nhiều biện pháp nhằm tháo gỡ và hỗ trợ các doanh nghiệp, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong năm 2016 và 2017, nhưng không quá 20.000 USD/năm; mỗi thương vụ mua bán, sáp nhập từ ngày 1/4/2016 đến ngày 31/3/2020 được giảm 25% số thuế phải nộp. Thậm chí, từ ngày 1/4/2016, các công ty ủy thác sẽ hưởng thuế suất ưu đãi là 12%; từ năm 2013-2015 nếu doanh nghiệp nào đầu tư vào các hoạt động nâng cao chất lượng theo chương trình tín dụng đổi mới và nâng cao năng suất (PIC) sẽ được hưởng 400% khấu trừ thuế/tự cấp và/hoặc 60% tiền mặt (theo PIC). Ngoài ra, giai đoạn 2015-2020, Singapore còn ưu đãi thuế đối với hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp như tăng mức hỗ trợ từ 5% lên 25% tổng giá trị của giao dịch, nếu đáp ứng một số điều kiện. Giảm thuế đầu tư và tăng năng suất và đổi mới sáng tạo. Các hoạt động của PIC gồm có: Nghiên cứu và phát triển, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ (IPR), mua lại và cấp phép quyền sở hữu trí tuệ, mua lại hoặc cho thuê các thiết bị tự động, đào tạo nhân viên, các dự án thiết kế đã được duyệt.

Sau khi nghiên cứu các CSTM mà các quốc gia như Thái Lan, Mỹ, Singapore sử dụng có thể rút ra được những điểm đáng chú ý trong CSTM.

Thứ nhất, các chính sách được đưa ra hướng tới mục tiêu gia tăng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu. Xu hướng chung là đưa ra các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua công cụ thuế, tín dụng, hỗ trợ tài chính khác nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, qua thuế nhập khẩu, giấy phép, kiện chống bán phá giá... để hạn chế hàng hóa từ bên ngoài xâm nhập.

Thứ hai, các quốc gia sử dụng các công cụ linh hoạt, tùy vào vị thế, ưu điểm của mình mà

lựa chọn công cụ phù hợp (Mỹ với việc đánh thuế cao với hàng nhập khẩu, thực hiện các vụ kiện bán phá giá; Singapore giảm thuế nhập khẩu, cải thiện điều kiện, môi trường kinh doanh; Thái Lan ưu tiên ký kết các FTA song phương, đa phương, khu vực và thế giới)...

Thứ ba, CSTM được các quốc gia thực hiện theo định hướng chung, kết hợp với các chính sách khác nhằm đảm bảo tính thống nhất trong tổng thể các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

3. Một số khuyến nghị cho Việt Nam

Việt Nam là quốc gia hướng về xuất khẩu, coi xuất khẩu là động lực quan trọng để phát triển tiềm năng, kinh tế đất nước. Mục tiêu xuất khẩu luôn được đặt ra ở mức cao, năm 2019 Quốc hội đặt ra mục tiêu xuất khẩu từ 7 - 8%. Đồng thời, hướng tới việc hạn chế hàng hóa nhập khẩu thông qua việc hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Để tăng cường xuất khẩu, Việt Nam đã tích cực tham gia đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại song phương, đa phương, khu vực và thế giới, đến nay Việt Nam đã ký kết 13 FTA (trong đó 12 hiệp định đã có hiệu lực), tiêu biểu: FTA Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - Nhật Bản; Việt Nam - Chile, Hiệp định ASEAN - Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, đặc biệt là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương... đang đàm phán 3 hiệp định (hiệp định RCEP, hiệp định Việt Nam - EFTA, hiệp định Việt Nam - Isarel). Đồng thời Việt Nam cũng thực hiện nhiều giải pháp về thuế, tín dụng, cải cách thủ tục hành chính... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp. Tập trung vào một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, tiếp tục đàm phán, ký kết các FTA với các đối tác đang triển khai. Kinh nghiệm của Thái Lan và Singapore cho thấy cùng với việc gia tăng các FTA với các quốc gia, khu vực sẽ làm giảm bớt hàng rào thuế quan, phi thuế quan, tạo điều kiện để hàng hóa trong nước có thể xâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu kỹ các giải pháp để phát huy những lợi ích từ các hiệp định, hạn chế các tác động tiêu cực.

Tiếp tục xu hướng mở cửa nền kinh tế thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính nhất

là các thủ tục liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

Hai là, tăng cường các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, nhấn mạnh đến các giải pháp về tài chính: thuế, tín dụng... Kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Singapore, Thái Lan cho thấy việc miễn giảm, thuế (thu nhập doanh nghiệp, nhập khẩu nguyên vật liệu...) sẽ giúp các doanh nghiệp trong nước giảm chi phí, tập trung nguồn lực vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đầu tư hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, cũng như của các doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện năng suất lao động.

Ba là, cần có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu trong việc hạn chế tác động

của các hàng rào thuế quan, phi thuế quan của các nước. Thông qua việc tích cực triển khai đàm phán để nhiều nước thừa nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường và không áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với Việt Nam. Bên cạnh đó, rà soát tình hình sản xuất, xuất khẩu từng ngành hàng của Việt Nam và cơ chế chống bán phá giá của từng quốc gia, cơ quan chức năng cần lập danh mục các ngành hàng và các mặt hàng Việt Nam có khả năng bị kiện để có sự phòng ngừa tránh cần thiết. Ngoài ra, cần xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về thị trường xuất khẩu, luật thương mại quốc tế, luật pháp liên quan đến bảo hộ mậu dịch của nước ngoài... và phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp các thông tin cần thiết nhằm tránh những sơ hở dẫn đến các vụ kiện.

Tài liệu tham khảo

1. Nhãn hàng hóa - Hàng rào kỹ thuật mới và nhận diện hàng rào kỹ thuật về nhãn hàng hóa; truy cập: <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nhan-hang-hoa-hang-rao-ky-thuat-moi-va-nhan-dien-hang-rao-ky-thuat-ve-nhan-hang-hoa-44914.htm>;
2. Lê Quốc Bảo (2018), Bàn về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và một số công việc để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật, tạp chí Công thương (tháng 01/2018);
3. Trung tâm WTO, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2018); truy cập: <http://chongbanphagia.vn/thong-ke-cac-vu-dieu-tra-va-bien-phap-chong-ban-pha-gia-tren-the-gioi-tinh-den-31122017-n18804.html>;
4. Mai Thế Cường (2006), Chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân;
5. Nguyễn Văn Ngọc, Từ điển Kinh tế học, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
6. Lê Quang Thuận, Nguyễn Thị Phương Thúy (2018), Xu hướng bảo hộ thương mại trên thế giới và kiến nghị cho Việt Nam, Tạp chí Tài chính (tháng 12/2018);
7. KPMG (2018), ASEAN Business Guide Thailand;
8. Văn phòng đại diện thương mại Hoa Kỳ (tháng 3/2019), 2019 Trade Policy Agenda and 2018 Annual Report of the President of the United States on the Trade Agreements Program;
9. Hank Lim, Anika Widiana và Bernard Aw (tháng 4/2016), Non-tariff Measures in Singapore.